

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo quyết định số 274/QĐ-CDYT ngày 29 tháng 8 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)*

<b>Tên ngành, nghề:</b>	<b>ĐIỀU DƯỠNG</b>
<b>Mã ngành, nghề:</b>	6720301
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Cao đẳng
<b>Hình thức đào tạo:</b>	Chính quy (phương thức tích lũy lũy tín chỉ)
<b>Đối tượng tuyển sinh:</b>	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
<b>Thời gian đào tạo:</b>	03 năm

### 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÀNH NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG

Ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ cao đẳng là người đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam. Đào tạo người điều dưỡng có phẩm chất đạo đức, có thái độ đúng đắn, hành nghề theo pháp luật; có kiến thức khoa học cơ bản, có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng được nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động điều dưỡng, nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, tự hoàn thiện bản thân và học tập suốt đời.

Điều dưỡng là một ngành khoa học về chăm sóc sức khỏe người bệnh độc lập và chuyên nghiệp, có nhiệm vụ chăm sóc và đáp ứng những nhu cầu cơ bản của người bệnh cả về thể chất và tinh thần.

Điều dưỡng là người đảm nhận việc chăm sóc, theo dõi, đánh giá tình trạng sức khỏe của người bệnh; trực tiếp theo dõi và hỗ trợ cho bệnh nhân trong suốt quá trình trị liệu. Phạm vi công việc của điều dưỡng khác nhau tùy theo các cơ sở y tế, vị trí việc làm. Tuy nhiên, công việc chủ yếu chung nhất của nghề điều dưỡng là: điều dưỡng tiếp đón, điều dưỡng hành chính, điều dưỡng chăm sóc, điều dưỡng phục hồi chức năng, điều dưỡng dinh dưỡng, điều dưỡng cộng đồng.

Để hành nghề, người điều dưỡng phải có sức khỏe tốt, có ý đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

## **2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.2.1. Về kiến thức**

##### **2.2.1.1. Kiến thức chung**

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và có phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học.

- Có kiến thức Ngoại ngữ đạt trình độ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT- BGDĐT của Bộ Giáo dục Đào tạo) hoặc tương đương.

- Có kiến thức Tin học đạt trình độ tin học cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT- Bộ TTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Có kiến thức hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; có kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Có kiến thức về các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

##### **2.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành**

- Có kiến thức về giải phẫu và sinh lý cơ thể con người để vận dụng trong việc chăm sóc người bệnh.

- Thiết lập được môi trường làm việc an toàn và hiệu quả, giảm thiểu rủi ro trong trường hợp cấp cứu.

- Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.

- Vận dụng kiến thức cơ bản về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh.

- Vận dụng được kiến thức về dược lý để giải thích quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn.

- Vận dụng kiến thức về vi sinh, ký sinh trùng để xác định được các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh.

- Thực hiện được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện.

- Phân loại được tình trạng người bệnh, xác định vấn đề ưu tiên, xử trí sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có cấp cứu tại bệnh viện và cộng đồng.

- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh từ đó lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp.

- Vận dụng kiến thức về luật bảo hiểm y tế trong việc giải quyết các chính sách y tế cho người bệnh và các khiếu nại về nội quy, quy định bệnh viện.

- Trình bày được các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe;

- Có kiến thức về các quy định của luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp.

### **2.2.2. Về kỹ năng**

- Kỹ năng tin học: Biết sử dụng các chương trình tin học văn phòng, bảng tính Excel, Power Point và sử dụng phần mềm khám bệnh, chữa bệnh và ứng dụng vào công tác nghiên cứu khoa học.

- Kỹ năng ngoại ngữ: Biết sử dụng ít nhất một ngoại ngữ để có thể đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và có khả năng giao tiếp ở trình độ thông thường.

- Có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để giải quyết những công việc hoặc vấn đề phức tạp, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm hướng dẫn tối thiểu, giám sát, đánh giá đối với nhóm thực hiện những nhiệm vụ xác định.

- Thực hiện được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện.

- Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi ngành nghề.

- Kỹ năng thực hành nghề nghiệp giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi của ngành điều dưỡng

- Kỹ năng nhận thức, tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi hoạt động.

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh

- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành.

- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh.

- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng.

- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách.

- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh.

- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh.

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.

- Phối hợp các nhân viên y tế khác để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.

- Tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng và các nhân viên y tế, liên tục đào tạo cho mình và cho người khác.

- Áp dụng được y học cổ truyền trong công tác chăm sóc phòng bệnh và chữa bệnh.

- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe.

- Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng để tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học.

- Áp dụng năng lực ngoại ngữ đạt trình độ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

- Đề xuất phương án sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả tại nơi làm việc.

### **2.2.3. Về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.
- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hành công việc.
- Chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao, có khả năng tự đánh giá chất lượng công việc.
- Chủ động xin ý kiến cấp trên trong trường hợp vượt quá khả năng của mình.
- Xây dựng được môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.

### **2.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Sau khi học xong chương trình cao đẳng ngành Điều dưỡng, người học có thể làm tại các cơ sở cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập, các cơ sở khám bệnh tư nhân, các trung tâm cấp cứu cộng đồng, trung tâm y tế dự phòng, các viện dưỡng lão, trạm y tế, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, có thể làm việc tại các vị trí sau:

1. Điều dưỡng phòng khám
2. Điều dưỡng chăm sóc
3. Điều dưỡng cộng đồng

### **2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

Có khả năng tự học hỏi và nghiên cứu, tìm hiểu trong môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Có năng lực để tham gia học lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của bản thân và nghề nghiệp.

## **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC**

- Số lượng môn học/học phần: 37
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ; 3150 giờ
- Khối lượng các môn học chung và đại cương: 555 giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở: 585 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1515 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 933 giờ; Thực hành, thực tập: 1988 giờ
- Thi, kiểm tra: 128 giờ

## 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 4.1. Môn học/mô đun

Mã học phần	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung, đại cương</b>	<b>29</b>	<b>555</b>	<b>285</b>	<b>240</b>	<b>30</b>
MH 1	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH 4	Ngoại ngữ (I, II)	6	120	57	57	6
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	28	0	2
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	28	0	2
MH 9	Hóa học	2	30	29	0	1
MH10	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	28	0	2
<b>II.</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>27</b>	<b>585</b>	<b>225</b>	<b>227</b>	<b>32</b>
MH11	Giải phẫu- Sinh lý	4	90	29	57	4
MH12	Hoá sinh	2	45	14	27	4
MH13	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH14	Sinh lý bệnh	2	45	14	30	1
MH15	Dược lý	2	45	14	28	3
MH16	Điều dưỡng cơ sở I	4	120	14	58/43	5
MH17	Điều dưỡng cơ sở II	3	75	14	58	3
MH18	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	3	45	42	0	3
MH19	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	3	45	42	0	3
MH20	Y đức và Tổ chức Y tế	2	30	28	0	2
<b>III.</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>48</b>	<b>1515</b>	<b>297</b>	<b>1169</b>	<b>49</b>
MH21	Giao tiếp, giáo dục sức khỏe trong	2	30	28	0	2

	thực hành Điều dưỡng					
MH22	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	60	14	44	2
MH23	Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa	4	120	28	88	4
MH24	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	60	14	44	2
MH25	Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Ngoại khoa	4	120	28	86	6
MH26	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em	4	120	30	86	4
MH27	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình	4	120	28	88	4
MH28	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần - Phục hồi chức năng	4	120	28	88	4
MH29	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	2	60	14	45	1
MH30	Quản lý điều dưỡng và thực hành nghiên cứu khoa học	3	60	28	28	4
MH31	Y học cổ truyền	3	75	29	44	2
MH32	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh truyền nhiễm	4	120	28	88	4
MH33	Thực tế ngành và đánh giá năng lực cuối khóa	10	450	0	440	10
<b>IV.</b>	<b>Các môn tự chọn</b>	<b>17</b>	<b>495</b>	<b>126</b>	<b>352</b>	<b>17</b>
MH34	Chăm sóc sức khỏe bệnh Da liễu và người cao tuổi	4	120	28	88	4
MH35	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao	4	120	28	88	4
MH36	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao	4	120	28	88	4
MH37	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa hệ ngoại	5	135	42	88	5
	<b>Tổng</b>	<b>121</b>	<b>3150</b>	<b>933</b>	<b>1988</b>	<b>128</b>

#### 4.2. Phân bố thời gian học

Mã học phần	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Học kì I</b>					
MH1	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH20	Y đức và Tổ chức Y tế	2	30	28	0	2
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	28	0	2
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	28	0	2
MH 9	Hóa học	2	30	29	0	1
MH10	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	28	0	2
<b>II.</b>	<b>Học kì II</b>					
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH11	Giải phẫu- Sinh lý	4	90	29	57	4
MH12	Hoá sinh	2	45	14	27	4
MH13	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH14	Sinh lý bệnh	2	45	14	30	1
MH15	Dược lý	2	45	14	28	3
MH16	Điều dưỡng cơ sở I	4	120	14	58/43	5
<b>III.</b>	<b>Học kì III</b>					
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH17	Điều dưỡng cơ sở II	3	75	14	58	3
MH18	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	3	45	42	0	3
MH21	Giao tiếp, giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	2	30	28	0	2
MH23	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	4	120	28	88	4
MH25	Chăm sóc sức khỏe người lớn	4	120	28	86	6

	bệnh Ngoại khoa					
<b>IV.</b>	<b>Học kì IV</b>					
MH19	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	3	45	42	0	3
MH22	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	60	14	44	2
MH26	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	4	120	30	86	4
MH27	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	4	120	28	88	4
MH28	Chăm sóc sức khỏe tâm thần - Phục hồi chức năng	4	120	28	88	4
<b>V.</b>	<b>Học kì V</b>					
MH 4	Ngoại ngữ (I, II)	6	120	57	57	6
MH24	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	60	14	44	2
MH29	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	60	14	45	1
MH30	Quản lý điều dưỡng và thực hành nghiên cứu khoa học	3	60	28	28	4
MH31	Y học cổ truyền	3	75	29	44	2
MH32	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	4	120	28	88	4
<b>IV.</b>	<b>Học kì VI</b>					
MH33	Chăm sóc sức khỏe bệnh Da liễu và người cao tuổi	4	120	28	88	4
MH34	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao	4	120	28	88	4
MH35	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao	4	120	28	88	4
MH36	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa hệ ngoại	5	135	42	88	5
MH37	Thực tế ngành và đánh giá năng lực cuối khóa	10	450	0	440	10

## 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 5.1. Hướng dẫn xác định thời gian học tập và các hoạt động ngoại khóa

Khóa đào tạo được thực hiện trong 3 năm, mỗi năm có 2 học kỳ chính và một học kỳ phụ. Học kỳ chính có 15 tuần thực học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ. Học

kỳ hè có 6 tuần thực hiện cho cả việc học và thi. Ngoài ra sinh viên được nghỉ tết 2 tuần, nghỉ các ngày lễ theo quy định của Nhà nước.

## **5.2. Hướng dẫn thi, kiểm tra các môn học**

Mỗi môn học được đánh giá bằng 3 loại điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn học (các điểm này được quy định chi tiết trong từng đề cương môn học)

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Do giảng viên chủ động về hình thức và chủ đề, qua việc đánh giá thường xuyên khi lên lớp. Trung bình cộng các điểm này (làm tròn đến phần nguyên) là điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm kiểm tra định kỳ: Mỗi môn học có ít nhất 1 điểm kiểm tra định kỳ, hình thức và thời gian do giáo viên giảng dạy quyết định, thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên.

Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ chiếm 40% trọng số điểm của môn học.

- Điểm thi kết thúc môn học: Kết thúc học kỳ, Nhà trường tổ chức thi hết các môn trong học kỳ đó, kỳ thi hết môn được Hội đồng triển khai trên cơ sở bộ công cụ đánh giá do bộ môn xây dựng. Việc coi thi, chấm thi và công bố điểm thi theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Điểm thi hết môn làm tròn đến phần nguyên và có trọng số 60% điểm môn học.

- Điểm môn học =  $40\% * (\Sigma \text{Điểm kiểm tra thường xuyên} + 2 * \Sigma \text{Điểm kiểm tra định kỳ}) + 60\% * \text{Điểm thi hết môn}$ . Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học còn được quy đổi thành các điểm A, B, C, D, E tương ứng.

## **5.3. Hướng dẫn đánh giá tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp**

Sinh viên kết thúc khóa học sẽ được đánh giá tốt nghiệp bằng 1 kỳ thi năng lực cuối khóa. Hội đồng khoa học và đào tạo của Nhà trường có trách nhiệm xây dựng tiêu chí và nội dung cho công cụ đánh giá này. Hội đồng tốt nghiệp có nhiệm vụ triển khai đánh giá theo công cụ đã ban hành, kế hoạch tổ chức kỳ thi đánh giá này được công khai trước ngày tổ chức ít nhất 5 tháng.

Những sinh viên như sau được xét công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành khối lượng tín chỉ tích lũy theo Chương trình đã ban hành. 100% các môn học trong Chương trình đào tạo có điểm tổng kết  $\geq 5,0$ .
- Được đánh giá mức đạt trong kì đánh giá năng lực cuối khóa.
- Có Chứng chỉ giáo dục thể chất, giáo dục Quốc phòng và an ninh.
- Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính (học phí, bảo hiểm...) với Nhà trường.
- Đang không trong thời kỳ truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đơn đăng ký xét công nhận tốt nghiệp.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp. Nhà trường sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho người học.

*Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 8 năm 2019*

**HIỆU TRƯỞNG** *h*



**TS. Trần Xuân Hoan**